

**ORIENTATION FOR CONTENT OF
EXPERIENTIAL ACTIVITIES IN
TEACHING READING LITERARY
TEXTS FOR 2ND AND 3RD GRADE
STUDENTS**

Nguyen Thi Dung^{1,2}

¹*PhD student K42, Faculty of Philology,
Hanoi National University of Education,
Hanoi city, Vietnam*

²*Faculty of Primary and Early Childhood
Education, Hai Phong University,
Hai Phong city, Vietnam*

Corresponding author Nguyen Thi Dung,
e-mail: dungnguyendhnp@gmail.com

Received November 11, 2024.

Revised December 12, 2024.

Accepted December, 2024.

**ĐỊNH HƯỚNG NỘI DUNG HOẠT
ĐỘNG TRẢI NGHIỆM TRONG DẠY
HỌC ĐỌC VĂN BẢN VĂN HỌC
CHO HỌC SINH LỚP 2, 3**

Nguyễn Thị Dung^{1,2}

¹*NCS K42, Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư
phạm Hà Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

²*Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non,
Trường Đại học Hải Phòng,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Dung,
e-mail: dungnguyendhnp@gmail.com

Ngày nhận bài: 11/11/2024.

Ngày sửa bài: 12/11/2024.

Ngày nhận đăng: 2/12/2024.

Abstract. Experience is a crucial activity in contemporary teaching and learning. Experience is regarded as the process through which individuals acquire knowledge or skills by actively engaging in actions, observing, or perceiving objects, phenomena, people, etc., in the world through all sensory, intellectual, and emotional aspects that impact the subject within specific spaces and times. This article presents the content orientation of experiential learning activities in reading literary texts, consisting of four main aspects: experiencing artistic language in literary texts, experiencing the artistic world in literary texts, experiencing the creative process of literary texts by the author, and experiencing the artistic message of literary texts in practical life. These aspects help teachers accurately determine the content of experiential activities and help students achieve high effectiveness in reading and comprehending literary texts.

Keywords: Content orientation, experiential activities, literary text, 2nd and 3rd grade students.

Tóm tắt. Trải nghiệm là một hoạt động có vai trò quan trọng trong thực tiễn dạy học hiện nay. Trải nghiệm được xem là quá trình con người có được nhận thức hay kỹ năng qua việc trực tiếp dần thân hành động (làm), qua quan sát hoặc cảm nhận các sự vật, hiện tượng, con người,... trong thế giới bằng tất cả các giác quan vật chất, tư duy và những xúc cảm, tác động ở chủ thể trong những điều kiện không gian thời gian nhất định. Bài viết trình bày định hướng nội dung hoạt động trải nghiệm trong dạy học đọc văn bản văn học theo bốn nội dung: Trải nghiệm ngôn ngữ nghệ thuật trong văn bản văn học; Trải nghiệm thế giới nghệ thuật trong văn bản văn học; Trải nghiệm quá trình sáng tạo văn bản văn học của tác giả; Trải nghiệm thông điệp nghệ thuật của văn bản văn học trong thực tiễn đời sống giúp giáo viên xác định đúng nội dung hoạt động trải nghiệm, giúp học sinh đạt được hiệu quả cao trong quá trình đọc và tiếp nhận văn bản văn học.

Từ khóa: Định hướng nội dung, hoạt động trải nghiệm, văn bản văn học, học sinh lớp 2, 3.

1. Mở đầu

Theo chương trình giáo dục phổ thông 2018, dạy học Tiếng Việt ở tiểu học chú trọng phát triển cho học sinh (HS) 4 năng lực: đọc, viết, nói, nghe. HS thể hiện 4 năng lực này tốt là điều kiện để học tốt các môn học khác và vận dụng vào thực tiễn cuộc sống phát huy được năng lực giao tiếp. Trong đó, dạy học đọc văn bản văn học (VBVH) giúp HS hiểu văn bản mà còn khơi gợi để HS cảm nhận được vẻ đẹp của ngôn từ nghệ thuật, biết xúc động trước cái đẹp, cái thiện thể hiện trong mỗi bài đọc [1]. Tuy nhiên, thực tế cho thấy năng lực đọc của HS còn khá hạn chế: đọc chậm, chưa lưu loát, chưa có sự diễn cảm hay thậm chí không nắm được nội dung bài đọc. Vậy làm thế nào để khắc phục tình trạng này? Để dạy HS đọc văn bản đạt hiệu quả giáo viên (GV) cần lựa chọn nội dung dạy học phù hợp, gây được hứng thú cho HS, làm cho các em tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động học. Dạy học đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục, tạo môi trường học tập thú vị, giúp HS phát huy được tính tích cực, tự giác, làm tiết học thêm sôi nổi, mang lại hiệu quả cao chính là tổ chức hoạt động trải nghiệm (HĐTN). Trải nghiệm là một hoạt động có vai trò quan trọng trong thực tiễn dạy học hiện nay. Trải nghiệm được xem là quá trình con người có được nhận thức hay kỹ năng qua việc trực tiếp dẫn thân hành động (làm), qua quan sát hoặc cảm nhận các sự vật, hiện tượng, con người,... trong thế giới bằng tất cả các giác quan vật chất, tư duy và những xúc cảm, tác động ở chủ thể trong những điều kiện không gian thời gian nhất định [2]-[6]. Bài viết trình bày định hướng nội dung HĐTN trong dạy học đọc VBVH nhằm giúp HS đạt được hiệu quả cao trong quá trình đọc và tiếp nhận VBVH.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổng quan về hoạt động trải nghiệm

Học tập trải nghiệm là hoạt động quan niệm học thông qua làm, học đi đôi với hành vốn tồn tại từ rất lâu. Trong bài viết chúng tôi tổng quan khái quát lịch sử nghiên cứu về HĐTN trên 3 phương diện: triết học, tâm lí và GD học qua những phát biểu nổi tiếng của các nhà tư tưởng cổ đại như Khổng Tử, Mặc Tử... được coi là người đặt nền móng cho giáo dục trải nghiệm. Tiếp nối tư tưởng học thông qua làm đã có nhiều nghiên cứu đạt thành tựu về học tập trải nghiệm (giáo dục trải nghiệm, học thông qua làm,...); nghiên cứu vận dụng học tập trải nghiệm; nghiên cứu các phương pháp, biện pháp, hoạt động trải nghiệm có thể kể đến những nghiên cứu tiêu biểu như: John Dewey, Kurt Lewin, Jean Piaget, Lev Vygotsky, David Kolb, Colin Beard, John P. Wilson, Michael Reynolds... cùng nhiều học giả khác. Nghiên cứu liên quan đến vấn đề học qua kinh nghiệm được David Kolb coi như cơ sở khoa học, nền tảng để xây dựng lí thuyết về HĐTN. Năm 1971, lí thuyết HĐTN của David Kolb chính thức được công bố lần đầu tiên với tư cách là “lí thuyết tương đối toàn diện về phương thức học tập tích lũy, chuyển hóa kinh nghiệm” [7]. Từ đó đến nay HĐTN được nhiều nước vận dụng rộng rãi trên các lĩnh vực khác nhau và HĐTN trở thành một triết lí GD của nhiều nước. Bước sang thế kỉ XXI, HĐTN được coi là phương pháp học tập hiệu quả nhằm hướng tới phát triển năng lực cho người học. Nhiều nước đã vận dụng HĐTN vào dạy học, việc vận dụng HĐTN vào GD của mỗi nước có sự linh hoạt, khác nhau nhưng vẫn phải đảm bảo các yếu tố cơ bản của HĐTN, đặc biệt Nhật Bản rất chú trọng tới các trải nghiệm, kinh nghiệm của người học phù hợp với những nội dung đổi mới trong Chương trình phổ thông 2018 của nước ta trong giao đoạn hiện nay.

Từ khái niệm cốt lõi là trải nghiệm, HĐTN được quan niệm là “quá trình ở đó tri thức được tạo ra thông qua chuyển hóa kinh nghiệm” [7; 49]. Tri thức là “thành quả của sự tổ hợp nắm bắt và chuyển hóa kinh nghiệm. Nắm bắt kinh nghiệm là quá trình thu nhận thông tin, chuyển hóa kinh nghiệm là quá trình mỗi cá nhân hành động dựa trên những thông tin này” [7; 51]. Các đặc điểm của HĐTN như Kolb chỉ ra gồm: Học tập được nhận thức như là quá trình chứ không phải chỉ là kết quả; Học tập là một quá trình liên tục dựa trên kinh nghiệm; Quá trình học tập đòi hỏi giải quyết các xung đột một cách biện chứng giữa các mô hình đối lập về sự thích nghi với thực

tại; Học tập là một quá trình thích ứng toàn diện với thực tại; Học tập liên quan đến sự thâm nhập giữa con người và môi trường, Học tập là quá trình kiến tạo tri thức. Ứng với mô hình học tập đó, nhà giáo dục trải nghiệm phải đảm nhiệm vai trò là người điều khiển trong giai đoạn thứ nhất, là chuyên gia của môn học trong giai đoạn thứ hai, người đánh giá theo chuẩn trong giai đoạn thứ ba và là huấn luyện viên ở giai đoạn thứ tư [7; 303]. Ở Việt Nam, Đảng, nhà nước, các cấp, các ngành đã có nhiều văn bản chỉ đạo, nhiều dự án triển khai vận dụng HĐTĐN vào thực tiễn dạy học. HĐTĐN luôn nhận được sự quan tâm của các nhà phương pháp, các nhà sư phạm nghiên cứu, vận dụng HĐTĐN vào trong GD Việt Nam... Bộ GD & ĐT đưa ra tài liệu tập huấn về kỹ năng xây dựng và tổ chức các HĐTĐN. Trên cơ sở khái quát, phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu về HĐTĐN của các tác giả đi trước, chúng tôi kế thừa những thành tựu nghiên cứu đó làm cơ sở lí thuyết cho bài viết. Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 HĐTĐN trở thành một môn học bắt buộc và được định hướng vận dụng trong dạy học các môn học trong đó có môn Tiếng Việt. Từ những nội dung nghiên cứu còn bỏ ngỏ, chúng tôi đã xác định nhiệm vụ nghiên cứu của riêng mình và đề xuất các HĐTĐN trong DH đọc VBVDH cho HS lớp 2, 3. HĐTĐN là hoạt động hướng tới phát triển toàn diện các phẩm chất, năng lực đồng thời kích thích hứng thú học tập môn Tiếng Việt cho HS.

Học tập trải nghiệm trở thành vấn đề được quan tâm cùng với quá trình đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018, HĐTĐN được thực hiện bắt buộc ở tất cả các cấp bậc học, các lớp và các môn học, các bài cụ thể. Tác giả Nguyễn Thị Liên: “HĐTĐN là hoạt động giáo dục, trong đó nội dung và cách thức tổ chức tạo điều kiện cho từng học sinh được tham gia trực tiếp và làm chủ thể của hoạt động, tự lên kế hoạch, chủ động xây dựng chiến lược hành động cho bản thân và cho nhóm để hình thành và phát triển những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị, kỹ năng sống và những năng lực cần có của công dân trong xã hội hiện đại” [5]. Tác giả Trần Văn Tính: “HĐTĐN là hoạt động GD, trong đó, từng cá nhân HS được trực tiếp hoạt động thực tiễn trong môi trường nhà trường cũng như môi trường gia đình và xã hội dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà GD, qua đó phát triển tình cảm, đạo đức, nhân cách, các năng lực... tích lũy kinh nghiệm riêng cũng như phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân mình” [6]. Qua HĐTĐN “HS phát huy khả năng sáng tạo để thích ứng tạo ra cái mới, giá trị cho cá nhân và cộng đồng” [1]. Như vậy, “HĐTĐN là hoạt động giáo dục, trong đó, dưới sự hướng dẫn của nhà giáo dục, từng cá nhân HS được tham gia trực tiếp vào các hoạt động khác nhau của đời sống nhà trường cũng như ngoài xã hội với tư cách là chủ thể của hoạt động, qua đó phát triển năng lực thực tiễn, phẩm chất nhân cách và phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân mình” [2].

Từ quan niệm của một số nhà nghiên cứu, HĐTĐN dù được diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau nhưng đều thống nhất ở một điểm coi HĐTĐN là HĐGD, HĐTĐN được tổ chức theo phương thức trải nghiệm nhằm góp phần phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực, nhân cách HS. Trên cơ sở tìm hiểu khái niệm về HĐTĐN từ các góc độ nghiên cứu khác nhau, chúng tôi quan niệm về HĐTĐN: “Hoạt động trải nghiệm trong giáo dục là hoạt động mà chủ thể HS chiếm lĩnh đối tượng học tập bằng phương thức trải nghiệm, từ đó hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người học”.

2.2. Trải nghiệm là một trong những phương thức để người đọc xây dựng ý nghĩa của văn bản văn học

+ Ý nghĩa của văn bản là kết quả của quá trình tương tác - thâm nhập giữa người đọc với các yếu tố văn bản và bối cảnh đọc.

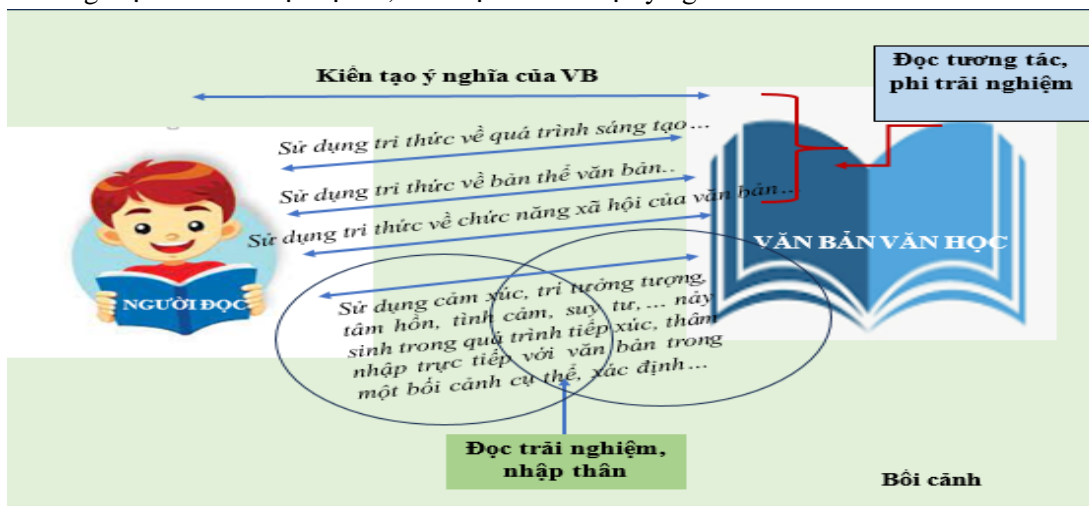
+ Trong hoạt động đọc văn bản người đọc kiến tạo ý nghĩa của văn bản bằng sự tổng hợp, tổng hoà, “đồng bộ” các cách thức:

→ Sử dụng tri thức về nhà văn và quá trình sáng tạo để xây dựng ý nghĩa của văn bản.

→ Sử dụng tri thức về văn bản, về mối quan hệ giữa các yếu tố trong chỉnh thể văn bản, đặc biệt là tri thức về kiểu loại và thi pháp thể loại để kiến tạo ý nghĩa.

→ Sử dụng tri thức về chức năng xã hội của văn bản và tri thức về bối cảnh xã hội để kiến tạo ý nghĩa, nói chung là từ phương diện xã hội học văn học để xây dựng ý nghĩa (phê bình nữ quyền, phê bình sinh thái, phê bình hậu thuộc địa,...)

→ Sử dụng cảm xúc, trí tưởng tượng, tâm hồn, tình cảm, suy tư,... của người đọc nảy sinh trong quá trình thâm nhập, kinh qua - quá trình đọc tiếp xúc cảm tính, cụ thể, trực tiếp với văn bản trong một bối cảnh đọc cụ thể, xác thực để kiến tạo ý nghĩa của văn bản.



Ba hướng trên nghiêng về quá trình tương tác giữa các tri thức nền mà người đọc sở hữu và tri thức nền mà văn bản đọc đòi hỏi cần sở hữu/ với văn bản, nghiêng nhiều hơn về sự “khách quan”, “khoa học”, lí tính. Sở dĩ gọi là tương tác vì trong những cách đọc này, như Luise Rosenblatt chỉ ra, người đọc và văn bản vẫn là những hệ thống độc lập và ý nghĩa nảy sinh bởi sự tác động qua lại giữa hai hệ thống độc lập đó. Kết quả xây dựng ý nghĩa theo hướng này không phụ thuộc nhiều vào tâm trạng, cảm xúc, trạng thái tinh thần, bối cảnh cụ thể,... của người đọc và dễ tìm thấy tiếng nói chung hơn, mặc dù phạm vi tri thức nền của mỗi người đọc có thể khác nhau, dẫn đến việc khám phá ý nghĩa nông, sâu, độc đáo, mới mẻ cũng có thể khác nhau. Việc đọc văn bản theo hướng này có thể xem là con đường tiếp nhận phi trải nghiệm và thường tạo ra phần chung gặp gỡ nhiều hơn của “cộng đồng lí giải” khi cắt nghĩa văn bản. Cách đọc này cũng rất quan trọng và cũng đã được chú ý quan tâm trong nhà trường phổ thông bởi nó gắn liền với việc thi cử nghiêng về tái tạo những nội dung ý nghĩa là “hàng số” khi đọc văn bản được thể hiện trong các đáp án hay hướng dẫn chấm bài cụ thể.

Cách đọc thứ tư nghiêng về quá trình trải nghiệm, thâm nhập của người đọc và văn bản. Thay vì thuật ngữ “tương tác”, các nhà nghiên cứu gọi là “thâm nhập”, “giao thoa”, “kinh qua một mối quan hệ”, “trải qua”, “ném trái” (Living through, transaction) giữa văn bản và người đọc. Trong cách đọc này, người đọc và văn bản tạo thành một hệ thống mới gắn bó chặt chẽ với nhau để xây dựng ý nghĩa của văn bản. Kết quả của quá trình này là người đọc chẳng những hiểu văn bản mà còn hiểu chính bản thân mình nữa. Ý nghĩa của văn bản được kiến tạo theo con đường này nghiêng nhiều về màu sắc cá nhân, riêng tư, chủ quan, sống động, cá thể hoá, gắn với bối cảnh riêng cụ thể nhiều hơn là yếu tố chung của bối cảnh. Nếu thao tác đọc của cách đọc phi trải nghiệm nghiêng về trích xuất thông tin, lí giải, cắt nghĩa thông tin, suy luận thông tin, kết nối thông tin, khái quát hoá thông tin,... bằng những căn cứ khoa học từ văn bản, từ các kênh khác, thì cách đọc thứ hai nghiêng về việc ném trái thông tin, “nhúng” mình vào thông tin hay “nhúng” thông tin vào thế giới của người đọc, ném trái thông tin bằng cách hồi tưởng, liên hệ, đồng cảm, tưởng tượng, liên tưởng,... nhiều hơn.

Như thế đọc trải nghiệm là một trong những cách thức, con đường để đọc văn bản, nó quan trọng nhưng không thay thế được các cách đọc khác. Nếu đọc là quá trình tiếp cận đồng bộ thì

trải nghiệm là một trong những mũi tiếp cận cần thiết. Và dù trải nghiệm hay phi trải nghiệm, bao giờ cũng phải lấy văn bản đọc làm cơ sở, không được thoát li văn bản đọc.

2.3. Nội dung hoạt động trải nghiệm trong dạy học đọc văn bản văn học cho học sinh lớp 2, 3

2.3.1. Trải nghiệm ngôn ngữ nghệ thuật trong văn bản văn học

Ngôn ngữ nghệ thuật là một thuật ngữ dùng để chỉ các phương tiện được sử dụng trong một ngành nghệ thuật, một sáng tác nghệ thuật. Mỗi loại hình nghệ thuật đều có một ngôn ngữ làm phương tiện để thể hiện riêng. Ngôn ngữ nghệ thuật chính là “một hệ thống các phương thức, phương tiện tạo hình, biểu diễn, hệ thống quy tắc thông báo bằng tín hiệu thẩm mỹ của một ngành, một sáng tác nghệ thuật” [3]. Ngôn ngữ nghệ thuật là công cụ giúp nhà văn xây dựng hình ảnh, miêu tả đời sống của con người trong văn bản. Ngôn ngữ nghệ thuật còn là công cụ tư duy, là phương tiện truyền đạt tư tưởng, tình cảm... của tác giả qua mỗi hình ảnh nghệ thuật trong văn bản. Ngôn ngữ nghệ thuật là ngôn ngữ đặc biệt, hoàn toàn khác biệt với khẩu ngữ và từ ngữ giao tiếp hằng ngày. Ngôn ngữ trong VBVH là một hiện tượng nghệ thuật do nghệ sĩ sáng tạo theo quy luật chung của nghệ thuật, truyền đạt một ý nghĩa mà “*không một phát ngôn nào có thể thay thế được*” (G. V. Xtapannôp). Ngôn ngữ nghệ thuật có một vai trò đặc biệt quan trọng bởi nó là yếu tố “*vật chất*” duy nhất của VBVH. Qua ngôn ngữ người đọc khám phá thế giới hình ảnh, tư tưởng, quan niệm... tác giả gửi gắm trong văn bản. Bên cạnh đó, ngôn ngữ nghệ thuật lại chứa đựng cả thế giới nghệ thuật mà tác giả sáng tạo, từ cảnh vật, con người đến cốt truyện, kết cấu chủ đề... Trong mối quan hệ chặt chẽ ấy, ngôn ngữ nghệ thuật trở thành phương thức tồn tại, phương tiện biểu hiện nội dung, đồng thời thể hiện trực tiếp và rõ nét phong cách, tài năng của tác giả.

Trải nghiệm ngôn ngữ nghệ thuật của văn bản là làm sống dậy thế giới vật chất cảm tính của ngôn ngữ nghệ thuật. Đó chính là thế giới âm thanh sinh động được lựa chọn và mã hóa trong ngôn ngữ nghệ thuật. Ở hoạt động đọc VBVH, HS cần được hướng dẫn để làm sống dậy thế giới vật chất âm thanh cảm tính đó. Nghĩa là họ cần cảm nhận được, lắng nghe được những âm thanh vang lên phía sau con chữ. Trong bài “*Thả diều*” (Tiếng Việt 2, [8;94]) tác giả đã cho chúng ta trải nghiệm thế giới âm thanh của văn bản được mã hóa bởi các kí hiệu ngôn ngữ nghệ thuật qua các câu thơ: “*Cánh diều no gió, diều thành trăng vàng, diều hay chiếc thuyền, trôi trên sông ngân; tiếng nó chơi vui, diều như hạt cau; phơi trên nông trời, diều em lười liềm, tiếng diều xanh lúa, uốn cong tre làng*” bạn đọc cảm được một dòng âm thanh nhẹ nhàng lan tỏa, như làm sống lại những hồi ức tuổi thơ tươi đẹp. Đó là khoảng thời gian vô lo vô nghĩ có thể thỏa sức vui chơi, khám phá thế giới cùng bạn bè chơi những trò chơi thân thuộc như “*thả diều*”. Qua bài thơ trên, HS còn cảm nhận được tình cảm sâu sắc của tác giả Trần Đăng Khoa đối với quê hương đất nước và con người Việt Nam. HS tri nhận được thông điệp trân trọng những kỉ niệm tốt đẹp của tuổi thơ và yêu quý, trân trọng vẻ đẹp quê hương của mình hơn.

2.3.2. Trải nghiệm bức tranh thế giới nghệ thuật trong văn bản văn học

“Thế giới nghệ thuật là một phạm trù mỹ học bao gồm tất cả các yếu tố của quá trình sáng tạo nghệ thuật và kết quả của quá trình hoạt động nghệ thuật của nhà văn. Thế giới nghệ thuật bao gồm hiện thực - đối tượng khách quan của nhận thức nghệ thuật, cá tính sáng tạo của nhà văn hay chủ thể nhận thức nghệ thuật, ngôn ngữ hay chất liệu nghệ thuật. Trong thế giới nghệ thuật chứa đựng sự phản ánh hiện thực, tư tưởng, tình cảm của nhà văn” [9]. Thế giới nghệ thuật được tạo ra phụ thuộc vào phong cách riêng của người nghệ sĩ, vào tư tưởng, tình cảm, giá trị nhân văn mà tác giả muốn gửi gắm vào từng câu chữ trong văn bản. Trải nghiệm thế giới nghệ thuật HS sẽ là người kiểm chứng thế giới đó, được “*ném trái*”, “*dấn thân*” để cảm nhận tâm tình, thông điệp của tác giả, chỉ khi có sự đồng cảm thì việc lĩnh hội tri thức mới đạt hiệu quả cao nhất. HS trải nghiệm thế giới đó bằng tri giác, giác quan, đối chiếu, so sánh hình ảnh, nhân vật, nội dung và sự vật, hiện tượng. HS mới cảm nhận rõ nhất về ý nghĩa thực sự của văn bản. Trải nghiệm bức tranh đời sống

là hình dung tưởng tượng ra bức tranh đời sống đó đang hiện lên trước mắt mình như thế nào? Chẳng hạn, trong bài “Thả diều” (Tiếng Việt 2, [8;94]) khi tôi đọc các câu thơ: “Cánh diều no gió, Sáo nó thổi vang; Sao trời trôi qua; Diều thành trăng vàng; Cánh diều no gió; Tiếng nó trong ngần; Diều hay chiếc thuyền, Trôi trên sông Ngân” trải nghiệm bức tranh đời sống là tôi hình dung ra một khung cảnh làng quê trong đêm trăng, một bầu trời cao rộng; một cánh diều no gió căng mình; âm thanh của tiếng sáo vi vút trong không gian; một mảnh trăng vàng treo giữa bầu trời đêm, trôi chậm chậm trên dải ngân hà tràn đầy ánh sáng

Trải nghiệm bức tranh đời sống là đưa mình - người đọc - vào trong bức tranh đó, sống cùng với thế giới của bức tranh đó. Vẫn với bài thơ “Thả diều” (Tiếng Việt 2, [8;94]), sau khi tưởng tượng bức tranh về cánh diều trên bầu trời đêm, âm thanh của nó,... Người đọc có thể bước vào bức tranh đó, có cảm giác như mình đang nhảy chân sáo trên đồng, hướng mắt lên bầu trời, thả mình vào tiếng sáo, hít thở bầu không khí trong lành của quê hương, như hít căng lồng ngực âm thanh của tiếng sáo diều mà phải tiếng gió, như đắm đuối dõi theo mảnh trăng vàng - là cánh diều nhỏ đang trôi mình trên dòng sông ánh sáng là tất cả vẻ đẹp của thiên nhiên đất trời, là thu vào tâm mắt ngắm cả quê hương.... Hoặc khi dạy học văn bản “Luỹ tre” (Tiếng Việt 2, [10;31]) với khổ 3: “*Mặt trời xuống núi ngủ, Tre nâng vầng trăng lên, Sao treo đầy trên cành, Suốt đêm dài thấp sáng*” thông qua ngôn ngữ bài thơ HS tái tạo bằng ngôn, hiểu hiện thực là mặt trời xuống núi ngủ, trăng lên sau lũy tre tức là một ngày dần khép lại, một đêm hè đầy trăng sao ở làng quê yên bình bên lũy tre làng được nhà thơ thể hiện thật đẹp, lãng mạn.

VBVH xây dựng những tình huống, cuộc đời, số phận từ đời sống vì vậy khi đọc văn bản HS thể nghiệm, suy ngẫm và cắt nghĩa về cuộc đời, về nhân sinh và liên tưởng đến chính mình. Đọc VBVH là đi vào khám phá về nội dung trong mối quan hệ với hình thức để cùng hiểu được giá trị của văn bản. Trải nghiệm VBVH là “kinh qua” mối quan hệ giữa nội dung và hình thức để hiểu được điều tác giả thể hiện trong văn bản. Trải nghiệm VBVH còn là quá trình người đọc sống với thế giới nghệ thuật của văn bản, với những cuộc đời, số phận, tình huống để hiểu VBVH - đó là việc “kinh qua” nội dung của văn bản. VBVH là thế giới của tâm hồn mà chúng ta không thể “phiên dịch” thuần túy chỉ bằng cách giải mã từ ngữ thể hiện trên trang sách mà còn là những trăn trở, suy tư của những gì được “lấy ra”, “mang đi” và những gì “ở lại” cùng trang sách, lưu giữ trong tâm hồn. Trải nghiệm là một hoạt động quan trọng trong chiếm lĩnh VBVH, trải nghiệm tạo cơ hội để HS kết nối trí tuệ với tâm hồn, trái tim, tình cảm, trải nghiệm là phương thức để cảm thụ. Cảm thụ đưa HS vào thế giới của văn bản, cung cấp “nguồn” cho nhận thức, cũng đồng thời giúp HS hiểu văn bản. Bằng con đường đưa HS vào các trải nghiệm - ném trải thông tin trong văn bản là quá trình đưa HS bước vào thế giới văn bản mà tác giả sáng tạo ra trong mỗi văn bản. HS bước vào văn bản, cảm thụ văn bản bằng đôi tay, đôi mắt, đôi tai,.. tâm hồn, trái tim, trí tưởng tượng của HS được phát huy, được đánh thức. Quá trình trải nghiệm ấy làm cho câu chữ văn bản sống dậy biến thành một thế giới hiện hữu sống động trong tâm hồn HS. Trong bài “*Con đường đến trường*” (Tiếng Việt 3, [11; 46-47]), tác giả đã cho người đọc hình dung được con đường mà nhân vật “tôi” trong bài đã đi học qua con đường đó. Đặt mình vào nhân vật, cảm nhận được độ dốc của con đường, những bụi cỏ dại bên đường, mùi của lạc tiên chín và những tiếng gió thổi vù vù bên tai. Khi đọc bài, HS như được trải nghiệm một buổi đến trường trên con đường đời giống như nhân vật “tôi”, có cảm xúc thích thú khi được đến trường và bày tỏ tình cảm yêu mến đối với cô giáo. Đọc văn bản như thế, rõ ràng không chỉ dừng lại ở việc “lấy” ra các thông tin - ai, làm gì, ở đâu, như thế nào, biểu hiện cho điều gì, có ý nghĩa ra sao,... mà là ném trải thông tin, kinh qua những cuộc đời, những số phận, là sống và trải nghiệm cùng trang sách.

2.3.3. Trải nghiệm quá trình sáng tạo văn bản văn học của tác giả

Quá trình sáng tạo văn bản của tác giả là quá trình nhà văn gửi gắm những tâm tư, tình cảm sâu lắng của mình vào VBVH. Khi tác giả viết ra một văn bản - văn bản đó chính là đưa con tinh thần của tác giả. Để có được đưa con tinh thần ấy, nhà văn đã phải áp ủ, lên ý tưởng, suy nghĩ rất nhiều để có được văn bản chín chu nhất. Mỗi văn bản được viết ra, dù là về chủ điểm gì, vấn đề

gì thì nó cũng chứa đựng biết bao tình yêu của tác giả. Qua văn bản đó, nhà văn gửi gắm những thông điệp về tư tưởng, những chuẩn mực về tình cảm, thẩm mỹ đối với xã hội và con người. VBVBH đi sâu vào phản ánh hiện thực khách quan, khám phá thế giới, hướng con người tới cái chân thiện mỹ. HĐTN trong quá trình sáng tạo văn bản của tác giả được diễn ra phong phú, sinh động... tạo cơ hội cho HS trải nghiệm trong thực tiễn để tích lũy các kinh nghiệm, khái quát thành hiểu biết, khắc sâu nội dung.

Trải nghiệm không gian, những “nguyên mẫu” đời sống mà từ đó tác giả thai nghén ra tác phẩm. Ví dụ: hoàn cảnh mẹ bị bệnh - thời gian trời sắp tối, không đủ ánh sáng để bác sĩ mổ cứu mẹ; không gian vùng cao - nơi những người phụ nữ vừa đi làm vừa địu con trên lưng, không gian làng Đại Hoàng - nơi có ngôi nhà của Bá Kiến, không gian làng quê Trần Đăng Khoa... đều là những “nguyên mẫu” của đời sống gắn liền với quá trình sinh thành ra tác phẩm. Mỗi văn bản tác giả huy động toàn bộ hiểu biết, vốn sống, kinh nghiệm và in dấu cá nhân vào quá trình sáng tác. Đây cũng chính là một nguồn nội dung phong phú mà GV có thể lựa chọn để HS thực hiện các HĐTN - nhờ đó tạo ra một bối cảnh phù hợp, làm giàu có vốn sống, những nền tảng cần thiết để HS bước vào văn bản, khám phá văn bản. Nhà thơ Trần Đăng Khoa chia sẻ trải nghiệm trên Báo Phụ nữ khi viết bài thơ “Sao không về vàng ơi”: “*Bài thơ ra đời khi Trần Đăng Khoa là một cậu bé 9 tuổi, gia đình ông có nuôi một con chó mực đen tuyền nhưng vào một buổi chiều đi học về ngày 3/4/1967, sau một trận bom Mĩ trút xuống, chú chó mực bỗng rụng biến mất. Đến tối mịt cũng không thấy con chó đâu. Mấy ngày hôm sau nữa cũng không thấy. Cả nhà tôi như có đám tang. Em gái tôi khóc. Chị gái tôi cũng khóc. Mẹ tôi đêm nào cũng ra cửa chờ. Tôi không khóc nhưng người cứ bần thần, chẳng làm được việc gì...*” con chó mực đã trở thành một thành viên trong gia đình, trở thành người bạn thân thiết với cậu bé Khoa, đi đâu cũng có nó đi cùng. Cho HS trải nghiệm tâm trạng của tác giả khi sáng tác bài thơ giúp HS suy ngẫm và cảm nhận, hiểu rõ hơn quá trình tác giả sáng tác. Ngày nay, người ta có thể còn phục dựng những không gian sống như thế. Ví dụ, chúng ta tìm đến tham quan check in các địa điểm gắn liền với thời bao cấp, ăn phở mua hàng thời bao cấp,... đó chính là phục dựng những nguyên mẫu làm nền cho quá trình sáng tạo ra tác phẩm của tác giả; Ví dụ nếu trải nghiệm ở trong lớp học thì sẽ là bố trí không gian lớp học, trang trí các hình ảnh, các không gian góc như thế nào để cho HS cảm nhận được mình đang ở giữa cánh đồng quê, giữa bầu trời, nơi có mảnh trăng vàng là cánh diều lơ lửng, nơi có dải ngân hà bùng sáng, nơi vang lên thánh thót ngân nga những âm thanh của cánh diều no gió. Hoặc nếu không gian trải nghiệm là bên ngoài lớp học có thể là dẫn HS tham quan hình ảnh cánh diều trên cánh đồng quê, tham quan trải nghiệm thực tiễn gắn với nội dung bài học... Khi tìm hiểu chủ đề “Đất nước ngàn năm” (Tiếng Việt 3, [12; 80]) HS cần trải qua quá trình chắt chiu, thu lượm, nung nấu hình thành và xây dựng từ ngàn năm với biết bao công lao, hình ảnh của các thế hệ cha anh để có được đất nước như ngày hôm nay để HS cảm nhận, trân trọng, giữ gìn.

Bên cạnh trải nghiệm bối cảnh sáng tác, người đọc trải nghiệm những trần trụi, những bùng sáng,... trong việc lựa chọn từ ngữ hình ảnh,... của tác giả. Trải nghiệm còn là quá trình đồng sáng tạo với văn bản sau quá trình tiếp nhận. Trong quá trình tiếp nhận bằng học tập trải nghiệm được thể hiện chủ yếu qua việc người đọc từ thế giới thực tại của mình “bước vào” thế giới do văn bản mở ra và vận dụng kết quả đọc hiểu, sự trải nghiệm đồng sáng tạo được thể hiện ở việc người đọc “đưa” thế giới của văn bản vốn nằm trong khung khổ của trang sách “hoà” vào đời sống thực tại bằng sự hình dung, tưởng tượng tiếp nối hoặc tạo cơ hội cho HS “ném trái” thông tin vốn được thể hiện trong văn bản. Bài thơ “Sao không về vàng ơi” được đăng trên báo *Văn nghệ*, ở góc thơ *Nhi đồng* đã được sửa một vài câu. Đó là câu *Sao không về hả chó?* được sửa thành *Sao không về Vàng ơi?* và câu cuối *Chó ơi là chó ơi* thành *Vàng ơi là Vàng ơi*. Tên bài thơ *Mất chó* cũng được đổi thành *Sao không về Vàng ơi!* Nhà thơ Trần Đăng Khoa chia sẻ: “Sau này, tôi mới biết người sửa cho mình những câu thơ này là nhà thơ Phạm Hồ. Chỉ thay đổi vài chữ thôi, mà bài thơ hay hơn hẳn”. Ông nói, câu kết ban đầu của mình *Chó ơi là chó ơi!* quá là thật thà, nếu không muốn nói là ngây ngô, bởi dù bạn có đúng là con chó thật thì kêu như thế thật không ổn. Khi được chữa thành *Vàng ơi là Vàng ơi*, từ một tiếng gọi bình thường đã chuyển thành tiếng khóc và tình

cảm của bài thơ cũng được nâng lên rất nhiều. Chữ “Vàng” được nhà thơ Phạm Hồ đổi thành chữ hoa, như một tên riêng, như một người bạn quý giá chẳng khác gì vàng đã góp phần khiến bài thơ độc đáo, có hồn hơn bao giờ hết.

2.3.4. Trải nghiệm thông điệp nghệ thuật của văn bản văn học trong thực tiễn đời sống

Trải nghiệm thông điệp nghệ thuật của VBVH là hiểu ý nghĩa, giá trị, kinh nghiệm mà tác giả muốn truyền tải đến người đọc thông qua các câu văn, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật trong văn bản. Vai trò của thông điệp rất quan trọng vì nó giúp HS, hiểu rõ hơn về tác giả, văn bản và thế giới xung quanh, đồng thời giúp tăng cường truyền tải thông tin, ý nghĩa của văn bản đến người đọc [4;129], [14]. Trải nghiệm thông điệp nghệ thuật được hiểu là sự vận dụng kiến thức vào thực tiễn nhằm giúp HS khám phá ra giá trị được gửi gắm vào trong VBVH. Mỗi một VBVH đều mang ý nghĩa, thông điệp riêng của tác giả truyền tải, kết nối đến người đọc, HS thông qua chất liệu ngôn ngữ nghệ thuật, kết nối văn bản với mỗi cá nhân, đời sống của HS hoặc với các VBVH khác hay là khía cạnh nào đó của đời sống có mối liên hệ với văn bản nhằm khơi gợi suy nghĩ, hành động, ứng xử... của HS. Khi hiểu đúng thông điệp của văn bản, HS có thể suy đoán, đánh giá văn bản một cách sâu sắc, đồng thời hình thành, phát triển kỹ năng đọc hiểu và suy nghĩ phản biện của mình một cách tốt hơn. Trong văn bản “*Ánh sáng của yêu thương*” (*Tiếng Việt 2*, [8;130]). Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm chính là nhận biết được tình yêu thương, lòng hiếu thảo của con cái đối với đấng sinh thành và tên nhan đề cũng đã nói lên được điều đó. GV cho HS trải nghiệm thực tế trong đời sống thực tiễn giúp HS khơi gợi tình yêu thương, chăm sóc ông bà, bố mẹ... Từ phát minh của cậu bé Ê-đi-xơn này sinh trong một tình huống khi thực sự cần sử dụng ánh sáng, HS hiểu được nguồn gốc của sự sáng tạo còn là tình yêu thương: Khi thấy không đủ ánh sáng mô cho mẹ Ê-đi-xơn đã nghĩ ra điều gì? Vì sao Ê-đi-xơn lại nghĩ ra được cách làm đó? Vì Ê-đi-xơn thương mẹ quá, muốn tìm mọi cách để bác sĩ cứu được mẹ. Không chỉ yêu cầu HS dừng lại ở việc rút ra thông điệp, nêu thông điệp, gọi tên thông điệp. Từ phương diện trải nghiệm, thông điệp cần được chuyển hóa thành suy nghĩ, thành cảm xúc, thành tiếng nhắc nhở nhẩn nhủ bên trong, tiếng thì thầm ‘mệnh lệnh của trái tim’ đối với người đọc, thành hành vi hành động, thành cách ứng xử, nói năng, ăn mặc, thể hiện,... trong thực tiễn đời sống, thành tâm niệm, niềm tin, niềm ước muốn khát khao được sống như thế, làm như thế,... của HS. Trong văn bản “*Chia sẻ niềm vui*” chủ đề “*Yêu thương, chia sẻ*” (*Tiếng Việt 3*, [13;73]), thông điệp mà tác giả muốn gửi tới bạn đọc cần có sự quan tâm, chia sẻ lúc người khác gặp khó khăn, cần học hỏi tâm lòng tốt, đáng quý của bạn nhỏ trong văn bản. GV tổ chức cho HS trải nghiệm tham gia hoạt động “*Phát động phong trào nuôi lợn siêu trọng*” nhằm giúp đỡ, ủng hộ các bạn HS có hoàn cảnh khó khăn không có điều kiện đến trường. Giúp HS phát triển hoàn thiện về mặt tư tưởng, tình cảm, giúp các em có cuộc sống ý nghĩa. Đối với người nhận, họ sẽ rất vui, cảm thấy được an ủi, được quan tâm, chia sẻ. Với người ủng hộ sẽ cảm thấy nhẹ nhàng, thanh thản và sống tốt hơn. Đồng cảm và chia sẻ đều mang lại lợi ích cho cả hai bên, giúp cho tinh thần HS trở nên thư thái, được yêu thương nhiều hơn.

Trải nghiệm thông điệp nghệ thuật của VBVH trong thực tiễn đời sống - *đưa văn bản ra cuộc đời* là một khâu hoàn thiện vòng đời vận động, phát triển của văn bản nói chung, các VBVH lớp 2, 3 nói riêng. Đây cũng là cách chúng ta kết nối văn bản với cuộc đời, nơi xuất phát, cũng là nơi đi tới của nó, mở rộng khung khổ của văn bản, đưa văn bản vào “trường” các liên văn bản trong đời sống. Trong học tập trải nghiệm, đây là quá trình “thực nghiệm tích cực”, vừa khép lại chu trình ban đầu, vừa mở ra một chu trình mới của HĐTN. Người đọc cần được nếm trải sự vận dụng các thông tin, hiểu biết thu hoạch được vào việc “làm” một nhiệm vụ cụ thể, ứng với một bối cảnh giàu tính xác thực ở ngoài đời sống hơn là chỉ phát biểu các bài học nặng về lí thuyết, hàn lâm. Tùy vào mỗi văn bản cụ thể, thuộc các thể loại và kiểu văn bản khác nhau, tùy vào bối cảnh đời sống thực tại của HS, yêu cầu cần đạt bài học mà nội dung trải nghiệm vận dụng kết quả đọc hiểu ra đời sống có thể đa dạng, phong phú, linh hoạt khác nhau.

3. Kết luận

HĐTN có vai trò quan trọng trong dạy học hiện nay, trong đó có định hướng nội dung HĐTN bởi định hướng nội dung là một khâu quan trọng giúp GV và HS chủ động xây dựng, tham gia các HĐTN. Trong quá trình vận dụng HĐTN, học tập trải nghiệm đã đi từ thử sai, học qua việc tự trải nghiệm trong đời sống đến việc bổ sung các HĐTN theo phương thức tổ chức của nhà trường, có điểm tựa lí thuyết được hiện thực hóa thành kế hoạch, hành động cụ thể. Tuy có nhiều ưu thế, song hoạt động trải nghiệm cũng có những hạn chế, khó khăn nhất định. Có nhiều nội dung, dấu muốn, GV cũng không thể cho HS nghiệm trải, làm thử, kinh qua. Bởi vậy, cho HS tiến hành các HĐTN, tiếp xúc trực tiếp với đối tượng học tập, ném trải đối tượng bằng tất cả các giác quan vật chất, các quá trình tâm lí, nhận thức tinh thần,... của HS cũng có những mức độ khác nhau, ở những góc nhìn khác nhau. Do vậy, điều quan trọng đối với mỗi GV khi dạy học là cần biết lựa chọn các nội dung trải nghiệm phù hợp với HS, phù hợp với điều kiện sư phạm của nhà trường, kết hợp học tập trải nghiệm với các phương pháp học tập tích cực khác để đạt hiệu quả mong muốn. Nội dung bài báo cũng đặt ra một vấn đề cần tiếp tục được làm rõ khi tiến hành tổ chức HĐTN dạy học văn bản văn học trong nhà trường tiểu học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ GD&ĐT, (2018). Chương trình GD phổ thông - Chương trình tổng thể, bản tháng 12/2018.
- [2] Cục nhà giáo và cán bộ quản lí cơ sở giáo dục, Bộ GD&ĐT, (2018). *Kĩ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong trường tiểu học*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [3] NT Hùng (2008), *Đọc hiểu văn bản văn chương trong nhà trường*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [4] PTT Hương, (2016). Hồi ứng trải nghiệm và tổ chức hoạt động hồi ứng trải nghiệm của bạn đọc học sinh trường Nguyễn Tất Thành trong dạy học tác phẩm văn chương. *Tạp chí Giáo dục*, 6(28), 52-56.
- [5] NT Liên (chủ biên), NT Hằng, TD Hải, ĐTN Minh, (2016). *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [6] TV Tính, (2017). “Kĩ năng xây dựng và tổ chức HĐTNST trong trường trung học”. Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7] Kolb, David A, (2015). *Experiential learning, Experience as the Source of Learning and Development*. Pearson Education, Inc, Second Edition.
- [8] Bộ GD&ĐT, (2021). *Tiếng Việt 2*, sách KNTTVCS, tập một. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [9] <https://theki.vn/the-gioi-nghe-thuat>.
- [10] Bộ GD&ĐT, (2021). *Tiếng Việt 2*, sách KNTTVCS, tập hai. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [11] Bộ GD&ĐT, (2022). *Tiếng Việt 3*, sách KNTTVCS, tập một. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [12] Bộ GD&ĐT, (2022). *Tiếng Việt 3*, sách KNTTVCS, tập hai. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [13] Bộ GD&ĐT, (2022). *Tiếng Việt 3*, sách Cánh Diều, tập một. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [14] <https://memart.vn/tin-tuc/blog/kham-pha-thong-diep-trong-ngu-van-la-gi-va-cach-su-dung-de-truyen-tai-y-niem-vi-cb.html>.